

Bản án số: 23/2023/DS-ST

Ngày: 16/01/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Văn Hải**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1) Bà **Lê Thị Hồng Vân**

2) Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Kim Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:**  
Không.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 04 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 567/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 468/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Thu H**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: ấp 3B, xã BH, huyện BC, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thu H là: Ông **Đặng Bá P**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: đường số 5, Khu HC, thị trấn T, huyện BC, Thành phố H\_Có mặt;

**Bi đơn:** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1965; Địa chỉ thường trú: Số B20/10 ấp 3B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư ngụ hiện nay: ấp 3B, xã BH, huyện BC, Thành phố H\_Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị Thu H có người đại diện là ông Đặng Bá P trình bày như sau:

Nguyên vào ngày 01/01/2017, ông Nguyễn Văn T có vay của bà Lê Thị Thu H số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), không lãi suất. Sau khi nhận tiền, ông Nguyễn Văn T có lập Giấy mượn tiền, theo đó, ông T cam kết sẽ trả lại số tiền trên cho bà H vào ngày 01/01/2018. Nhưng cho đến hôm nay mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T không chịu trả số tiền đã vay lại cho bà H. Việc ông T vay tiền của bà H nhưng không chịu trả là trái với thỏa thuận của hai bên và vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, bà Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho bà H số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, trả một lần ngay sau khi bản án

hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bà H cam kết số tiền 400.000.000 đồng mà bà H cho ông T vay là tiền của cá nhân bà H, không phải là tài sản chung với bất kỳ ai khác. Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đặng Bá P vẫn giữ nguyên ý kiến như trên. Đồng thời, ông P xác định bà H chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết quyết định xét xử và giấy báo hợp lệ. Do ông T vắng mặt tại phiên tòa (mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ) nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả tiền mà ông T đã vay của bà H. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, là loại tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và do bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Bình Chánh, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Bà Lê Thị Thu H có đơn khởi kiện còn trong thời hiệu qui định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các biên bản niêm yết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông T đến trụ sở Tòa án; yêu cầu ông T phải có mặt tại trụ sở Tòa án để nghe xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có bất cứ văn bản tài liệu chứng cứ nào thể hiện ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Bà Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại cho bà H số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.1] Căn cứ vào “Giấy mượn tiền” ngày 01/01/2017 do bà Lê Thị Thu H nộp có thể hiện nội dung ông T có vay của bà H số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu

đồng), không lãi suất, hứa sẽ trả lại cho bà H số tiền trên vào ngày 01/01/2018 và ông T có ký tên phía dưới chỗ “người mượn” trong Giấy mượn tiền ngày 01/01/2017.

[3.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

*“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

*“4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3.3] Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*. Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn ông Nguyễn Văn T không trả lại số tiền đã vay cho bà Lê Thị Thu H theo đúng thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hai bên tại “Giấy mượn tiền” ngày 01/01/2017. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông T trả lại số tiền vốn gốc là có cơ sở.

[3.4] Từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

[3.5] Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả đối với số tiền vốn 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; hoàn lại cho nguyên đơn bà Lê Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả tiền mà ông T đã vay.

Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền là: 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị Thu H cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Lê Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0031721 ngày 02/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDTP.HCM.
- VKSNDTP.HCM.
- VKSND Huyện Bình Chánh.
- Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Bình Chánh.
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Văn Hải**